

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 5 5/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp sinh học đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển và ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BCT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Bộ Công Thương Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực Công Thương (sau đây viết tắt là Đề án) với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương theo hướng bền vững, tuần hoàn, thân thiện môi trường và có giá trị gia tăng cao; thúc đẩy hình thành chuỗi giá trị đồng bộ từ nghiên cứu, sản xuất đến thương mại hóa sản phẩm. Tập trung nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ sinh học, đổi mới và hiện đại hóa công nghệ, thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp chế biến từ các nguồn nguyên liệu chủ lực của Việt Nam. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ sinh học, khuyến khích doanh nghiệp lớn đầu tư đổi mới công nghệ, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và phát triển sản phẩm mới, an toàn, có giá trị gia tăng cao phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tận dụng lợi thế thương mại để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và giá trị nội địa của sản phẩm. Hỗ trợ đăng ký thương hiệu, phát triển thị trường và mở rộng xuất khẩu các sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học có lợi thế cạnh tranh, góp phần đưa công nghiệp sinh học trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của ngành Công Thương và cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

Tiếp tục triển khai hiệu quả Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030”; tập trung nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực Công Thương.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, tiếp nhận và làm chủ công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến.

Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp nhằm cải tiến, tiếp nhận công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm; phấn đấu có từ 30% đến 50% sản phẩm tạo ra từ Đề án được thương mại hóa trên thị trường; các sản phẩm của đề án hướng tới trở thành sản phẩm công nghiệp quốc gia, sản phẩm công nghệ cao “Made in Viet Nam”, sáng tạo và thiết kế tại Việt Nam.

Bước đầu hình thành nền tảng phát triển công nghiệp sinh học trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của ngành Công Thương; Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp sinh học tăng so với giai đoạn 2021 - 2025; các sản phẩm công nghệ sinh học được tạo ra từ Đề án thay thế ít nhất 20% hàng nhập khẩu cùng loại, góp phần bảo đảm nhu cầu thiết yếu của xã hội và đóng góp vào GDP của ngành công nghiệp sinh học cả nước.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

Tiếp tục thúc đẩy nghiên cứu, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và từng bước làm chủ một số công nghệ sinh học thế hệ mới trong các lĩnh vực đã triển khai giai đoạn đến năm 2030, đồng thời mở rộng sang các lĩnh vực phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học của khu vực và thế giới.

Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn lực tài chính đủ mạnh nhằm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ sinh học trong lĩnh vực Công Thương.

Hỗ trợ các nhà khoa học tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Đề án gắn với doanh nghiệp để cải tiến, tiếp nhận và làm chủ công nghệ; nâng cao năng suất, chất lượng, mẫu mã và sức cạnh tranh của sản phẩm. Phấn đấu có ít nhất 50% sản phẩm được tạo ra từ đề án thương mại hóa trên thị trường; có sản phẩm được tạo ra từ đề án là sản phẩm công nghiệp quốc gia, sản phẩm công nghệ cao “Made in Viet Nam”, sáng tạo tại Việt Nam.

Phát triển thị trường công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học; hình thành mô hình sản xuất tập trung tại các địa phương, tiến tới phát triển các cụm ngành sản xuất chuyên môn hóa đáp ứng tiêu chuẩn và quy định xuất khẩu. Phấn đấu doanh nghiệp công nghiệp sinh học tăng về quy mô đầu tư và tăng trưởng; các sản phẩm công nghệ sinh học thay thế từ 30% đến 50% hàng nhập khẩu cùng loại, góp phần bảo đảm nhu cầu thiết yếu của xã hội.

Từng bước đưa công nghiệp sinh học trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của ngành Công Thương; góp phần đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh về công nghệ sinh học thuộc nhóm các nước dẫn đầu khu vực Châu Á.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách về phát triển công nghiệp sinh học ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực Công Thương

Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các chính sách hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học trong lĩnh vực Công Thương. Đồng thời, xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm, nhóm sản phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Công Thương và các sản phẩm được tạo ra từ Đề án, bảo đảm chất lượng, an toàn, đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu.

2. Phát triển nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng và năng lượng

a) Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương; tập trung hoàn thiện, nâng cấp và mở rộng quy mô các công nghệ đã hình thành giai đoạn đến năm 2025. Chủ động nghiên cứu, tiếp nhận, giải mã và làm chủ các công nghệ sinh học tiên tiến của thế giới để ứng dụng trong sản xuất công nghiệp quy mô lớn, ưu tiên các công nghệ theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ enzyme, công nghệ lên men, công nghệ chiết xuất hoạt chất tinh khiết, dược phẩm sinh học và công nghệ sinh học phân tử nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ nguồn nguyên liệu trong nước như nông sản, thủy sản, tài nguyên biển và hải đảo, nấm ăn, nấm dược liệu, cây dược liệu, chè, thịt, sữa và phụ phẩm công nghiệp chế biến.

Nghiên cứu ứng dụng vi sinh vật, enzyme công nghiệp và các chế phẩm sinh học từ nguồn tài nguyên bản địa phục vụ các ngành dệt may, giấy, xử lý môi trường, năng lượng, công nghiệp nặng và thương mại; góp phần giảm tiêu hao nguyên liệu, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và hạn chế ô nhiễm môi trường theo định hướng tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tập trung nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ nuôi sinh khối quy mô lớn đối với probiotic, paraprobiotic, prebiotic, postbiotic và các chủng vi sinh vật phục vụ sản xuất; làm chủ các công nghệ lõi về lên men, sấy khô, bảo quản và ổn định hoạt tính sinh học của chủng giống, enzyme và chế phẩm sinh học. Phát triển các sản phẩm phục vụ ngành thực phẩm, đồ uống, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi và chăm sóc sức khỏe, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

c) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học và các chế phẩm sinh học trong lĩnh vực công nghiệp nặng, dầu khí và năng lượng, như làm sạch đường ống dẫn dầu, bồn chứa và hệ thống tồn trữ xăng dầu; chống ăn mòn, chống cháy nổ, xử lý ô nhiễm do dầu khí; giảm ma sát trong khai thác dầu khí; nâng cao

hiệu suất thu hồi dầu, khí; ứng dụng vi sinh vật và enzyme trong khai thác, tuyển và chế biến quặng nghèo; xử lý chất thải công nghiệp và giảm ô nhiễm thứ cấp.

d) Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học như công nghệ nano, công nghệ sinh học phân tử, công nghệ chỉnh sửa gen, công nghệ tế bào và cải biến vi sinh vật nhằm nâng cao hàm lượng hoạt chất, cải thiện chất lượng sản phẩm và phát triển các dòng sản phẩm có đặc trưng riêng theo nhu cầu doanh nghiệp và thị trường. Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), tự động hóa và chuyển đổi số trong nghiên cứu, sản xuất, quản lý và thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học. Đồng thời, rà soát, bổ sung và hoàn thiện cơ sở dữ liệu nguồn gen, chủng vi sinh vật, enzyme và tài nguyên sinh học nội địa phục vụ nghiên cứu, sản xuất và phát triển các sản phẩm công nghiệp sinh học, hàng tiêu dùng và sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

e) Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nguyên liệu hóa dược, hoạt chất sinh học, enzyme, probiotic và dược phẩm sinh học; ưu tiên công nghệ lên men, vi sinh, enzyme, công nghệ gen, protein tái tổ hợp và chiết xuất hoạt chất từ dược liệu, tài nguyên biển. Khuyến khích đầu tư sản xuất API, bán thành phẩm dược phẩm và hỗ trợ chuyển giao, thương mại hóa công nghệ sinh học phục vụ ngành dược.

f) Triển khai đăng ký thương hiệu, bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, quyền sở hữu trí tuệ đối với công nghệ sinh học của các sản phẩm được tạo ra từ Đề án.

3. Phát triển năng lực nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị công nghệ, tự động hóa, ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực công nghệ sinh học

a) Tập trung nghiên cứu, thiết kế, sản xuất và phát triển máy móc, thiết bị, hệ thống và dây chuyền công nghệ đồng bộ phục vụ sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học trong nước; từng bước hình thành và hoàn thiện chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị của ngành công nghệ sinh học. Đẩy mạnh nội địa hóa máy móc, thiết bị, vật tư và nguyên liệu đầu vào nhằm giảm phụ thuộc vào nhập khẩu, nâng cao tính tự chủ của nền sản xuất, gia tăng tỷ lệ giá trị nội địa và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghệ sinh học Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời, thúc đẩy xanh hóa các ngành công nghiệp, sử dụng hiệu quả tài nguyên, nguyên liệu và năng lượng, góp phần giảm phát thải và bảo vệ môi trường.

b) Phát triển công nghiệp sản xuất vật tư, nguyên liệu, hóa chất sinh học, chế phẩm sinh học và máy móc, thiết bị phục vụ nghiên cứu, sản xuất, chế biến và thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học; ưu tiên phát triển các sản phẩm hỗ trợ cho ngành công nghiệp chế biến, thực phẩm, dược phẩm, năng lượng, môi trường và công nghiệp phụ trợ.

c) Ưu tiên nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư và công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực công nghiệp sinh học mà trong nước chưa sản xuất hoặc chưa làm chủ được; tập trung vào các công nghệ nguồn, công nghệ lõi từ Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ và các quốc gia có nền công nghiệp sinh học phát triển. Việc nhập khẩu gắn với yêu cầu chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tiếp nhận bí quyết kỹ thuật và từng bước nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo trong nước.

4. Đầu tư tăng cường năng lực các phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học

a) Tiếp tục lựa chọn, đầu tư nâng cấp và phát triển các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, kiểm định và đánh giá sự phù hợp phục vụ phát triển công nghiệp sinh học và doanh nghiệp công nghệ sinh học trong lĩnh vực Công Thương. Tập trung đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao cho các phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học, công nghệ enzyme, công nghệ lên men, vi sinh vật, sinh học phân tử và kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm. Khuyến khích đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế như ISO/IEC 17025, GMP và các tiêu chuẩn chuyên ngành phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, thử nghiệm, kiểm định, sản xuất thực nghiệm và thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, tăng cường hợp tác công - tư và huy động các nguồn lực hợp pháp trong nước, quốc tế để phát triển hạ tầng nghiên cứu công nghệ sinh học hiện đại.

b) Phát triển hệ thống phòng thí nghiệm theo hướng liên kết chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học, thử nghiệm, kiểm định và chuyển giao công nghệ; hình thành mạng lưới phòng thí nghiệm và trung tâm nghiên cứu đạt trình độ khu vực và quốc tế. Tăng cường kết nối giữa cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, làm chủ công nghệ và phát triển các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị gia tăng cao phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu.

5. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp sinh học ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực Công Thương

a) Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương theo hướng chuyên sâu, liên ngành và gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp.

b) Xây dựng các chương trình đào tạo kết hợp giữa công nghệ sinh học với các lĩnh vực kỹ thuật, tự động hóa, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, môi trường, năng lượng và công nghệ chế biến nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ và ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến trong sản xuất.

c) Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và tổ chức khoa học công nghệ trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công

nghệ; chú trọng đào tạo lại, chuyển đổi nghề, nâng cao kỹ năng chuyên môn và năng lực hội nhập quốc tế cho đội ngũ cán bộ, kỹ thuật viên và người lao động.

d) Khuyến khích tham gia các chương trình đào tạo, trao đổi học thuật và nghiên cứu quốc tế; đồng thời xây dựng cơ chế thu hút, đãi ngộ chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế có trình độ cao tham gia đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và phát triển công nghiệp sinh học tại Việt Nam.

6. Phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp sinh học từ các nguồn nguyên liệu đặc thù vùng, miền

a) Hỗ trợ doanh nghiệp địa phương phát triển sản phẩm đặc thù từ nguồn nguyên liệu đặc thù vùng miền, gắn với xây dựng vùng nguyên liệu bền vững.

b) Khai thác lợi thế vùng, hỗ trợ các địa phương xây dựng chuỗi sản xuất chuyên môn hóa.

7. Phát triển thị trường ngành công nghiệp sinh học

a) Phát triển thị trường ngành công nghiệp sinh học theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế; gắn phát triển thị trường với đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp sinh học. Đẩy mạnh sản xuất tuần hoàn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên liệu, năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường.

b) Hình thành và phát triển hệ thống thị trường công nghệ sinh học minh bạch, cạnh tranh lành mạnh, có sự tham gia của các thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân; tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đa quốc gia với doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm nâng cao năng lực tham gia chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu của doanh nghiệp công nghiệp sinh học Việt Nam.

c) Ưu tiên phát triển các sản phẩm công nghiệp sinh học có lợi thế cạnh tranh cao được chế biến sâu từ nông, lâm, thủy, hải sản, tài nguyên biển, dược liệu và nguồn nguyên liệu đặc trưng của Việt Nam; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, đăng ký, bảo hộ và phát triển thương hiệu sản phẩm trong nước và quốc tế. Đồng thời, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, hỗ trợ mở rộng thị trường, nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường, truy xuất nguồn gốc và phát thải các bon thấp để thúc đẩy xuất khẩu.

d) Phát triển bền vững thị trường nội địa gắn với thương hiệu hàng Việt Nam; thúc đẩy kết nối cung cầu, phát triển hệ thống phân phối, thương mại điện tử và các chuỗi cung ứng hàng hóa công nghiệp sinh học trong nước. Tăng cường liên kết giữa sản xuất với tiêu dùng, giữa vùng nguyên liệu với cơ sở chế biến và thị trường; đẩy mạnh tổ chức các hoạt động kết nối giao thương, hội chợ, hội nghị, hội thảo và xúc tiến tiêu thụ sản phẩm công nghiệp sinh học gắn với văn hóa, du lịch và đặc sản vùng miền của các địa phương.

8. Triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, đầu tư, xúc tiến thương mại và thu hút chuyên gia theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030. Tăng cường hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp có nền công nghiệp sinh học phát triển nhằm chia sẻ kinh nghiệm quản lý, nghiên cứu, thương mại hóa sản phẩm và phát triển thị trường công nghiệp sinh học.

Thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên hợp tác tiếp nhận, chuyển giao và làm chủ công nghệ sinh học tiên tiến, công nghệ xanh và công nghệ lõi phục vụ phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực Công Thương. Khuyến khích thu hút các quỹ đầu tư quốc tế, nguồn vốn hỗ trợ phát triển, nguồn tài trợ nghiên cứu và đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học tại Việt Nam; nâng cao năng lực tham gia của doanh nghiệp Việt Nam vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế hợp tác đa phương và các tổ chức quốc tế như WTO, ASEAN, APEC, ASEM và hợp tác tiểu vùng Mê Kông nhằm nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam trong phát triển công nghiệp sinh học khu vực và thế giới. Đồng thời, tổ chức các đoàn công tác khảo sát, kết nối doanh nghiệp, viện nghiên cứu và đối tác nước ngoài; đẩy mạnh nghiên cứu thị trường, xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại quốc tế đối với các sản phẩm công nghiệp sinh học có tiềm năng.

Tăng cường mời chuyên gia, nhà khoa học và tổ chức nước ngoài tham gia hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ, giải mã công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất và phát triển công nghệ lõi, công nghệ mới tại Việt Nam; lồng ghép nội dung hợp tác quốc tế trong các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghiệp sinh học nhằm khai thác hiệu quả nguồn lực, tri thức và kinh nghiệm quốc tế.

9. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông về phát triển công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực Công Thương

a) Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ về hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin và truyền thông phục vụ phát triển công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học ngành Công Thương theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghiệp sinh học; từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp.

b) Định kỳ tổ chức các chương trình phối hợp với địa phương để khảo sát, đánh giá hiện trạng, nhu cầu phát triển và khả năng ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến và các ngành công nghiệp liên quan; kịp thời hỗ trợ giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình sản xuất và thương mại hóa sản phẩm.

c) Hàng năm, tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo kết nối cơ quan quản lý, nhà khoa học, tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp nhằm thúc đẩy chia sẻ thông tin, kết nối cung cầu công nghệ, chuyển giao công nghệ và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất; đồng thời tăng cường công tác truyền thông, phổ biến kiến thức và nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học đối với phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

10. Ban hành tại Phụ lục kèm theo các nhiệm vụ cụ thể, ưu tiên để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án

a) Kinh phí thực hiện Đề án bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước (chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn tài trợ, viện trợ, vốn vay, nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

b) Nguồn ngân sách nhà nước được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng, chuyển giao và làm chủ công nghệ sinh học; phát triển sản phẩm công nghệ sinh học trong lĩnh vực Công Thương; triển khai các hoạt động đào tạo, thông tin, truyền thông, hợp tác quốc tế và hỗ trợ nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học của các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

c) Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Đề án do địa phương chủ trì theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học; xây dựng học liệu, tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại địa phương.

2. Cơ chế sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện Đề án

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương bao gồm vốn đầu tư công và kinh phí chi thường xuyên được bố trí cho các bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan để triển khai các chương trình, nhiệm vụ, dự án của Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Các địa phương chủ động sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án theo thẩm quyền và phù hợp với khả năng cân

đổi ngân sách, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật có liên quan.

c) Ngân sách nhà nước ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn chi thường xuyên, kế hoạch đầu tư công trung hạn, nguồn dự phòng ngân sách trung ương hằng năm, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

d) Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án, các bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị mình và trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án

a) Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành; được tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Công Thương và các bộ, ngành, địa phương được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ của Đề án.

b) Kinh phí thực hiện Đề án được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công, quản lý tài chính, tài sản công, khoa học và công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan. Việc quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Đề án được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Đối với các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, việc huy động, quản lý và sử dụng kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng nguồn vốn và các quy định pháp luật có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

a) Chủ trì tham mưu xây dựng, trình Lãnh đạo Bộ Công Thương ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch và các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, các bộ, ngành, địa phương, tổ chức khoa học công nghệ, cơ sở đào tạo, hiệp hội và doanh nghiệp có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn, đôn đốc, điều phối, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án trên phạm vi cả nước. Xây dựng kế hoạch hàng năm và trung hạn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm triển khai thực hiện đề án.

c) Xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm và trung hạn; đề xuất phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương và các địa

phương chủ trì thực hiện các nội dung của Đề án; tổ chức theo dõi, tổng hợp, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi cần thiết, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương về tình hình triển khai thực hiện Đề án; đề xuất sửa đổi, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

d) Phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan thuộc các bộ, ngành có liên quan rà soát, xây dựng hoặc đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án; tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường và huy động nguồn lực phục vụ phát triển công nghệ sinh học ngành Công Thương.

2. Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp

a) Chủ trì phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đổi xanh và Khuyến công và các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương bố trí kinh phí chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án thuộc phạm vi chi từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị đầu mối và các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương bố trí, huy động nguồn vốn đầu tư cho việc thực hiện Đề án, tổng hợp chung về đầu tư phát triển. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; tổng hợp danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công, các dự án quan trọng quốc gia, các nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn, trong đó bao gồm đầu tư cho các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và kiểm định liên quan đến phát triển doanh nghiệp công nghệ sinh học theo mục tiêu đặt ra của Đề án.

c) Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đổi xanh và Khuyến công và các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương triển khai các hoạt động phê duyệt đầu tư phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học, tăng cường tiềm lực về cơ sở vật chất, kỹ thuật, máy móc, thiết bị cho các cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo do Bộ Công Thương quản lý.

d) Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ theo quy định.

3. Cục Công nghiệp và Cục Hóa chất

Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đổi xanh và Khuyến công, các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong việc nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ sinh học vào thực tiễn sản xuất tại các doanh nghiệp.

4. Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước

Chủ trì, phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong việc phát triển thị trường ngành công nghiệp sinh học.

5. Vụ Pháp chế

Vụ Pháp chế phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương hoàn thiện thể chế, chính sách về phát triển công nghiệp sinh học ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực Công Thương.

6. Vụ Phát triển thị trường nước ngoài và Cục Xúc tiến thương mại

Chủ trì, phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế liên quan về công nghệ sinh học, công nghiệp sinh học được quy định tại mục 8 của phần II tại Quyết định này.


7. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công triển khai các hoạt động về hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông về phát triển công nghệ sinh học, công nghiệp sinh học ngành Công Thương.

8. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố

Căn cứ điều kiện kinh tế, xã hội của từng địa phương và các nội dung Đề án, cụ thể hóa thành Chương trình, Kế hoạch giai đoạn của Đề án để chủ động triển khai các hoạt động phát triển công nghiệp sinh học; hỗ trợ xây dựng và phát triển các nghiên cứu, ứng dụng và phát triển doanh nghiệp công nghiệp sinh học, các cụm công nghiệp tập trung về công nghiệp sinh học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ; Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgCP Phạm Gia Túc (để b/c);
- Phó TTgCP Hồ Quốc Dũng (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các thứ trưởng;
- VPCP; BTC; BKHCN;
- SCT các tỉnh, thành phố;
- Công TTĐT của Bộ;
- Lưu: VT, ĐCK.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

Phụ lục

Danh mục nhóm nhiệm vụ ưu tiên thực hiện thuộc Đề án phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực Công Thương

(Kèm theo Quyết định số 13 55 /QĐ-BCT ngày 05 tháng 6 năm 2025)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Hoàn thiện thể chế, chính sách về phát triển công nghiệp sinh học ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực Công Thương	Vụ Pháp chế	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đổi xanh và Khuyến công và các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương	2026 - 2030
2	Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành và tổ chức triển khai Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương theo hướng phát triển công nghệ chiến lược, chuyên đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghiệp sinh học, bảo đảm phù hợp với định hướng, chủ trương tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 36-NQ/TW	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đổi xanh và Khuyến công	Cục Hóa chất, các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương; các Viện, trường có chức năng liên quan đến đào tạo chuyên ngành công nghệ sinh học, thực phẩm; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan	2026 - 2045
3	Phát triển năng lực nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị công nghệ, tự động hóa, ứng dụng	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đổi	Cục Công nghiệp và các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương; các cơ	2026 - 2045

	thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực công nghiệp sinh học	xanh và Khuyến công	quan, tổ chức, cá nhân liên quan	
4	Đầu tư tăng cường năng lực cho các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và kiểm định liên quan đến phát triển doanh nghiệp công nghệ sinh học	Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan	2026 - 2045
5	Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp sinh học	Các Viện, trường có chức năng liên quan đến đào tạo chuyên ngành công nghệ sinh học, thực phẩm	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan	2026 - 2045
6	Phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp sinh học từ các nguồn nguyên liệu đặc thù vùng, miền	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công	Các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan	2026 - 2045
7	Phát triển thị trường ngành công nghiệp sinh học (Phát triển hệ thống phân phối; kết nối cung cầu; truy xuất nguồn gốc; phát triển thị trường nội địa,...)	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan	2026 - 2045
8	Triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công	Các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan	2026 - 2045
9	Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và triển khai	Cục Đổi mới sáng tạo,	Các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ	2026 - 2045

	các hoạt động thông tin, truyền thông về phát triển công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học ngành kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực Công Thương	Chuyển đổi xanh và Khuyến công	Công Thương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan	
--	--	--------------------------------	--	--